

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 63/2021/HSST

Ngày: 29/7/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Tin và ông Nguyễn Văn Xô;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu- Kiểm sát viên.

Ngày 29/7/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2021/HSST ngày 29/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50A/2021/QĐXXST-HS ngày 29/6/2021 đối với:

1/ Bị cáo: **NGUYỄN HOÀNG A** (không có tên gọi khác), sinh ngày 27/6/2004 tại KM, Hải Dương; Nơi cư trú: KDC PS, Phường AL, Thị xã KM, Tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/01/2021 tại Trại tạm giam Kim Chi-Công an tỉnh Hải Dương cho đến nay- *Có mặt tại phiên tòa.*

Người giám hộ cho bị cáo: Chị Nguyễn Thị T- Sinh năm 1981; Nơi cư trú: KDC PS, AL, KM, Hải Dương (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thu Hiền- Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương; (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Người bị hại: Cháu Trần Trung D- sinh ngày 12/12/2004; Nơi cư trú: KB, TQ, KM, Hải Dương; (Có mặt tại phiên tòa)

Người giám hộ cho bị hại: Ông Trần Văn T1; Nơi cư trú: KB, TQ, KM, Hải Dương; (Có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Nguyễn Thị Chi- Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương; (Có mặt tại phiên tòa)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị T- Sinh năm 1981; Nơi cư trú: KDC PS, AL, KM, Hải Dương; (Có mặt tại phiên tòa)

4/ Người làm chứng:

4.1/ Cháu Nguyễn Việt A1- Sinh ngày 02/02/2004; Nơi cư trú: KDC PS, AL, KM, Hải Dương; (Vắng mặt)

Người giám hộ cho cháu Nguyễn Việt A1: Chị Nguyễn Thị N; Nơi cư trú: KDC PS, AL, KM, Hải Dương; (Vắng mặt)

4.2/ Cháu Phùng Văn T2- Sinh ngày 15/10/2004; Nơi cư trú: KDC LH, AL, KM, Hải Dương; (Vắng mặt)

Người giám hộ cho cháu Phùng Văn T2: Ông Trần Văn N1; Nơi cư trú: KDC LH, AL, KM, Hải Dương; (Vắng mặt)

4.3/ Cháu Nguyễn Văn L- Sinh ngày 17/8/2004; Nơi cư trú: KDC TS, HA, KM, Hải Dương; (Có mặt)

Người giám hộ cho cháu Nguyễn Văn L: Bà Phạm Thị T3- Sinh năm 1965; Nơi cư trú: KDC TS, HA, KM, Hải Dương (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21h, ngày 15/7/2020, Nguyễn Hoàng A điều khiển xe mô tô hiệu WAVE, BKS 36B6-1886.09 (mượn của mẹ là bà Nguyễn Thị T) chở Phạm Văn Q, sinh năm 2004, trú tại: HS, KM, Hải Dương đi chơi cùng các bạn là Phùng Văn T2, sinh ngày 15/10/2004 và Nguyễn Việt A1, sinh ngày 02/02/2004, đều trú tại: LH, AL, KM, Hải Dương. Khi đi đến khu vực cổng sau khu đô thị TC, HA, KM thì Hoàng A nhìn thấy Trần Trung D, sinh ngày 12/12/2004, trú tại: TQ, KM, Hải Dương đi cùng hai người khác (sau này mới biết) là Nguyễn Văn L, sinh ngày 17/8/2004, trú tại: HA, KM, Hải Dương và bạn là T4 (chưa xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ), Hoàng A gọi D, bảo D quay xe lại nói chuyện, D đồng ý. Khi D quay lại, Hoàng A bảo D lên xe của Hoàng A, Hoàng A chở D đi qua cổng khoảng 200m, vào trong khu đô thị TC thì dừng lại (Q, Việt A1 và T2 cũng lái xe khác đi theo phía sau). Đến nơi, Việt A1 đi về nhà, còn lại Hoàng A, Q, T2 và D đỗ xe, đi lên vỉa hè đứng. Hoàng A hỏi D về số tiền 950.000đ mà Hoàng A đã chuyển khoản cho D với mục đích nhờ tài khoản ATM của D để cho Đặng Văn P, sinh năm 2002, trú tại: TQ, KM (là bạn của D và Hoàng A) vay, nhưng chưa trả. D nói không biết, Hoàng A liền dùng tay tát vào mặt D 2, 3 cái, rồi yêu cầu D trả nợ, D không có tiền trả, Hoàng A buộc D đưa điện thoại của D cho Hoàng A với mục đích buộc D phải trả số tiền

950.000đ mà Hoàng A đã chuyển vào tài khoản của D, khi nào D trả nợ thì Hoàng A trả điện thoại. Do sợ bị đánh nữa, nên D đã đưa chiếc IPHONE 6S 16GB màu vàng của mình cho Hoàng A.

Sau đó, do có mâu thuẫn về việc khác từ trước đối với D, Q và T2 đã dùng tay, chân, dép đánh D 2, 3 cái, rồi mới đi về.

Ngày 16/7/2020 D đến Công an Thị xã Kinh Môn trình báo sự việc. Tại cơ quan điều tra, Hoàng A thừa nhận hành vi trên và giao nộp chiếc điện thoại.

Về vật chứng: Ngoài chiếc điện thoại IPHONE 6S, 16GB trên, Cơ quan điều tra thu giữ chiếc xe mô tô hiệu WAVE, BKS 36B6-186.09 do chị T giao nộp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 70 ngày 21/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản của UBND thị xã Kinh Môn xác định: Chiếc điện thoại IPHONE 6S, 16GB trị giá 2.380.000đ.

Ngày 27/8/2020 Cơ quan điều tra đã trả lại cho D chiếc điện thoại IPHONE 6S, 16GB, D cùng người giám hộ không yêu cầu bồi thường dân sự.

Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 28/4/2021, Của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn đã truy tố Nguyễn Hoàng A về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: Đề nghị HĐXX cân nhắc áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168, điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điều 38, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự và xem xét áp dụng cho bị cáo Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 3 năm 6 tháng tù đến 4 năm tù. Ngoài ra, đề nghị không xử phạt bị cáo hình phạt bổ sung là phạt tiền;

Bị hại, Đại diện của bị hại và Người bảo vệ quyền lợi cho bị hại: Xác định bị hại đã nhận tài sản bị mất cũng như bồi thường của phía bị cáo, không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội “Cướp tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168, điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt Nguyễn Hoàng A từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù, tính từ ngày bắt tạm giam 23/01/2021. Về tang vật: Đề nghị hoàn trả chiếc xe WAVE, BKS 36B6-186.09 cho chị T. Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và các chứng cứ, tài liệu được thu thập trong giai đoạn điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS là hợp pháp.

[2] Lời khai thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, những người làm chứng và phù hợp khách quan với những tài liệu điều tra khác do Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa là đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21h 15' ngày 15/7/2020 tại khu đô thị TC, HA, KM, Hải Dương, Nguyễn Hoàng A đã có hành vi dùng tay đánh anh Trần Trung D, sinh ngày 12/12/2004 rồi chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphone 6S 16GB trị giá 2.380.000đ.

[3] Bị cáo Nguyễn Hoàng A khi thực hiện hành vi vừa đủ 16 tuổi 18 ngày, theo quy định tại điều 90 BLHS thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS. Như vậy theo quy định bị về độ tuổi và thể chất để có thể nhận thức được hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích đòi nợ, bị cáo vẫn cố ý chiếm đoạt của bị hại D chiếc điện thoại Iphone 6S 16GB trị giá 2.380.000đ, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự trị an xã hội là đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Tại thời điểm bị Cướp tài sản, bị hại Trần Trung D mới được 15 tuổi 07 tháng 03 ngày, nên bị cáo Nguyễn Hoàng A bị truy tố, xét xử theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS nào. Về tình tiết giảm nhẹ. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thực sự thành khẩn, ăn năn hối cải. Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã tự giác giao nộp chiếc điện thoại đã chiếm đoạt cho cơ quan điều tra để trả lại bị hại đồng thời có tác động đến gia đình để thay bị cáo bù đắp một phần tổn thất về mặt tinh thần cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Hậu quả, thiệt hại do hành vi mà bị cáo đã gây ra là không lớn. Do vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hành vi mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội. Do vậy, theo quy định cần áp dụng phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo là người dưới 18 tuổi, HĐXX cân nhắc nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 91 BLHS và quy định về việc áp dụng

hình phạt tù có thời hạn đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi tại khoản 1 Điều 101 BLHS thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng đối với bị cáo không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định. Bên cạnh đó, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Trên cơ sở đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của người phạm tội, HĐXX quyết định mức hình phạt tù tương xứng nhằm giáo dục bị cáo và ý thức tuân thủ pháp luật nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của pháp luật, không áp dụng đối với bị cáo

[7] Về xử lý Vật chứng: Theo quy định của điểm khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, chiếc xe mô tô hiệu WAVE, BKS 36B6-186.09 do chị T (mẹ bị cáo) giao nộp là tài sản do chị T quản lý hợp pháp, bị cáo dùng làm phương tiện sau đó phạm tội, chị T không biết, nên trả lại cho chị theo quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại IPHONE 6S, 16GB đã được cơ quan điều tra trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường hồng hóc và thiệt hại tinh thần gì, nên không xem xét.

[9] Trong vụ án này, đối với Q và T2, chứng cứ thể hiện: Q, T2 không biết và trao đổi, bàn bạc gì với Hoàng A về việc lấy tài sản của D. Khi bị cáo thực hiện hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt điện thoại của D, thì Q và T2 không hề có hành động, lời nói gì giúp sức cho Hoàng A. Q, T2 và D thừa nhận đã có mâu thuẫn với nhau từ trước vì một nguyên nhân khác, nên sau khi Hoàng A đã lấy điện thoại của D xong, Q, T2 mới dùng tay chân đánh D cho bở tức, D xác định không có thương tích gì, không phải điều trị và không yêu cầu xử lý gì đối với Q, T2. Do vậy, có thể xác định Q, T2 không tiếp nhận ý chí chiếm đoạt tài sản từ Hoàng A, nên không đồng phạm với Hoàng A trong vụ án này. T2 được 15 tuổi 09 tháng, Công an thị xã Kinh Môn đã xử phạt hành chính đối với T2 về hành vi Gây thương tích, không xem xét xử lý đối với hành vi không tố giác tội phạm là phù hợp. Q chết do tai nạn giao thông ngày 17/8/2020, nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội, nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật TTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, 38, 47, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự; Điều 106, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí tòa án; Xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội “*Cướp tài sản*”
- Về Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giam 23/01/2021;
- Về Hình phạt bổ sung: Không áp dụng;
- Về Vật chứng: Trả lại chị Nguyễn Thị T- Sinh năm 1981; Nơi cư trú: KDC PS, AL, KM, Hải Dương chiếc xe mô tô hiệu WAVE, BKS 36B6-186.09 (*Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thị xã Kinh Môn và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn vào hồi 09h, ngày 14/5/2021*).
- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng A phải chịu 200.000^d (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, người bào chữa của bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại biết quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Hải dương;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Công an thị xã Kinh Môn;
- Trại tạm giam- CA tỉnh Hải Dương.
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn.
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thế Hưng